

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ
DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUY ĐỔI**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 30

Số: 129 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập tại ngày 23 tháng 8 năm 2013, từ trang 2 đến trang 30. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính riêng đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra báo cáo tài chính riêng quy đổi của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 - Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập ở các a, b, c nêu trên.



Phó Tổng Giám đốc kiểm

Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃU B 01-DN
Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Thuyết		30/6/2013	31/12/2012
	Mã số	minh		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		4.167.411.689.196	2.736.899.674.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.754.813.758.980	271.101.871.816
1. Tiền	111		1.168.233.758.980	206.101.871.816
2. Các khoản tương đương tiền	112		586.580.000.000	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.020.813.705.512	2.115.731.754.812
1. Phải thu khách hàng	131		1.585.191.319.284	1.864.494.754.620
2. Trả trước cho người bán	132		46.339.257.780	43.636.492.864
3. Các khoản phải thu khác	135	6	389.484.400.896	207.799.789.632
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(201.272.448)	(199.282.304)
III. Hàng tồn kho	140	7	301.910.922.852	290.610.272.220
1. Hàng tồn kho	141		301.910.922.852	290.610.272.220
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.873.301.852	59.455.775.424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.193.093.088	31.393.003.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.101.099.184	22.236.014.456
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.579.109.580	5.826.757.968
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		11.412.537.851.112	11.973.828.331.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.696.274.651.964	2.064.792.944.320
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.696.274.651.964	2.064.792.944.320
II. Tài sản cố định	220		8.778.545.697.456	8.990.702.207.536
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.622.460.155.156	8.823.635.550.052
- Nguyên giá	222		11.443.030.963.560	11.303.626.676.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.820.570.808.404)	(2.479.991.126.368)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	138.023.254.368	143.196.832.224
- Nguyên giá	228		193.192.520.400	191.074.634.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.169.266.032)	(47.877.802.644)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	18.062.287.932	23.869.825.260
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		770.633.728.548	733.210.458.392
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	602.613.285.432	566.702.199.588
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	134.614.728.180	133.283.683.140
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	33.405.714.936	33.224.575.664
IV. Tài sản dài hạn khác	260		167.083.773.144	185.122.721.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	150.758.133.228	168.934.554.180
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	2.771.177.460	2.743.776.580
3. Tài sản dài hạn khác	268		13.554.462.456	13.444.390.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		15.579.949.540.308	14.710.728.005.968

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃU B 01-DN

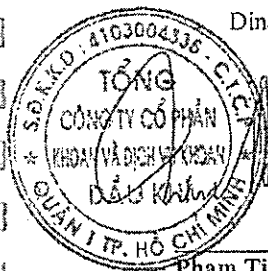
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Thuyết		30/6/2013	31/12/2012
	Mã số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.155.831.672.536	7.984.192.669.124
I. Nợ ngắn hạn	310		3.497.476.661.568	3.576.125.631.580
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.683.873.509.244	1.752.497.599.900
2. Phải trả người bán	312		642.964.225.092	814.157.563.960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	117.879.811.848	199.348.162.136
4. Phải trả người lao động	315		76.150.193.784	41.760.868.980
5. Chi phí phải trả	316	19	727.600.425.420	506.385.602.924
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	20	97.255.780.872	156.517.275.484
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	72.529.793.004	71.828.169.780
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		79.222.922.304	33.630.388.416
II. Nợ dài hạn	330		4.658.355.010.968	4.408.067.037.544
1. Phải trả dài hạn khác	333	5	813.960.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	3.543.663.387.312	4.206.854.144.568
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		11.105.177.868	10.995.371.964
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.747.166.016	2.421.859.012
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	287.879.279.772	187.795.662.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		7.424.117.867.772	6.726.535.336.844
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	7.424.117.867.772	6.726.535.336.844
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.130.231.854	1.382.130.231.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(15.407.860.950)	(15.407.860.950)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		837.586.276.021	765.998.167.531
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		447.352.357.290	382.125.892.639
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		223.969.365.854	223.969.365.854
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.443.405.347.703	1.882.637.389.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		15.579.949.540.308	14.710.728.005.968

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/6/2013	31/12/2012
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Đô la Singapore ("SGD")	3.921	13.289
Dinars Algeria ("DZD")	61.407.042	63.593.207



Phạm Tiên Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

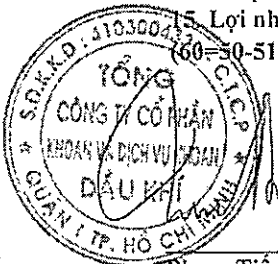
Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.613.990.383.526	2.640.080.445.508
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	25	4.613.990.383.526	2.640.080.445.508
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.625.850.109.300	1.987.700.185.120
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		988.140.274.226	652.380.260.388
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	156.467.161.215	204.980.115.820
6. Chi phí tài chính	22	29	91.878.208.488	133.236.736.828
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		67.044.094.387	101.344.674.120
7. Chi phí bán hàng	24		3.802.365.754	3.299.571.760
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		275.504.098.418	222.001.090.668
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		773.422.762.781	498.822.976.952
10. Thu nhập khác	31		4.599.109.842	2.297.744.960
11. Chi phí khác	32		36.204.278	15.454.376
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.562.905.564	2.282.290.584
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		777.985.668.345	501.105.267.536
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	80.219.076.957	36.933.167.688
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		697.766.591.388	464.172.099.848



Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

002
 NH
 Y
 HUI
 TE
 AM
 50

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	777.985.668.345	501.105.267.536
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	331.295.661.563	326.689.804.328
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.715.430.146)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(148.647.724.590)	(194.971.991.056)
Chi phí lãi vay	06	67.044.094.387	101.344.674.120
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	1.022.962.269.559	734.167.754.928
Biến động các khoản phải thu	09	548.787.883.039	(193.191.592.788)
Biến động hàng tồn kho	10	(8.316.610.102)	(23.774.828.752)
Biến động các khoản phải trả	11	33.986.922.205	372.160.119.280
Biến động chi phí trả trước	12	(16.863.736.050)	(32.180.447.196)
Tiền lãi vay đã trả	13	(64.300.172.574)	(97.942.128.728)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(81.722.184.595)	(44.982.835.612)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(38.334.539.384)	(36.454.831.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.396.199.832.098	677.801.209.292
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(33.468.105.319)	(44.690.368.836)
2. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	(78.125.411.440)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.152.570.351	106.029.766.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.684.465.032	(16.786.014.180)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	813.960.000.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.510.863.120)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	312.465.000.000	601.640.169.844
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.096.081.600.110)	(1.130.798.524.784)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(197.852.838)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.145.547.052	(530.669.218.060)
Lưu chuyển tiền trong năm (50=20+30+40)	50	1.474.029.844.182	130.345.977.052
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	271.101.871.816	287.966.324.244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	71.637.809	(47.904.400)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	9.610.405.173	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>1.754.813.758.980</u>	<u>418.264.396.896</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

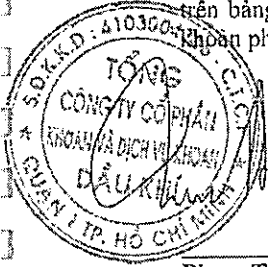
MÁU B 03-DN
Đơn vị tính: Đồng

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 188.596.890.660 đồng (kỳ 6 tháng năm 2012: 279.857.338.176 đồng) là số cổ tức trong kỳ còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức được chia trong kỳ đã bao gồm 196.082.623.328 đồng (kỳ 6 tháng năm 2012: 310.845.507.340 đồng) là số cổ tức của kỳ trước đã thu trong kỳ này.


Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 46.398.355.107 đồng (kỳ 6 tháng năm 2012: 134.699.383.128 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cân trừ công nợ nội bộ.


Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và 24, tiền nhận vốn góp của cổ đông trong kỳ với số tiền là 38.693.668 đô la Mỹ tương đương 813.960.000.000 đồng là một phần khoản tiền nhận được từ đợt phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phiếu. Tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để điều chỉnh và ghi nhận tăng vốn và khoản tiền này được trình bày như một khoản công nợ phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần biến động các khoản phải trả trong phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.

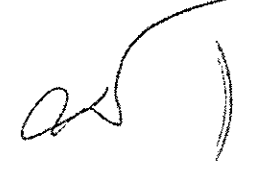



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2013


Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc


Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng


Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 6 ngày 12 tháng 8 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 7 ngày 19 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố đầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính riêng bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Báo cáo tài chính riêng quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính riêng được lập bằng đô la Mỹ sang đồng Việt Nam ("VNĐ") theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ đô la Mỹ sang VNĐ đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 21.036 VNĐ/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.828 VNĐ/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ, từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 20.831 VNĐ/USD (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: 20.828 VNĐ/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của riêng Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

11/11/11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

==
NH
IQ
EII
FI
P.
==

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ và chi phí duy tu bảo dưỡng giàn khoan, phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của cơ sở kinh doanh tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	1.573.850.412	1.364.796.356
Tiền gửi ngân hàng	1.166.659.908.568	204.737.075.460
Các khoản tương đương tiền	586.580.000.000	65.000.000.000
	<u>1.754.813.758.980</u>	<u>271.101.871.816</u>

Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ, là khoản tiền nhận về từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo qui định, do đó khoản tiền nhận góp vốn này được theo dõi riêng biệt như một khoản phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con	314.799.574.872	153.265.337.360
Phải thu chi phí trả hộ từ công ty liên doanh		
PVD-Baker Hughes	1.621.728.348	1.605.693.004
Phải thu từ công ty liên doanh PV Drilling Overseas	10.518.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.669.038.312	1.369.024.440
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh BJ-PVD	43.048.617.336	42.817.306.796
Các khoản phải thu khác	17.827.442.028	8.742.428.032
	<u>389.484.400.896</u>	<u>207.799.789.632</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	825.351.156
Nguyên liệu, vật liệu	301.910.922.852	289.326.830.032
Công cụ, dụng cụ	-	458.091.032
	<u>301.910.922.852</u>	<u>290.610.272.220</u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD ("PVD DeepWater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	238.042.524.676	10.972.630.703.920	53.657.156.084	38.274.824.136	1.021.467.604	11.303.626.676.420
Tăng trong kỳ	1.910.369.348	26.846.597.011	2.510.843.754	107.508.791	-	31.375.318.904
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.594.433.149	118.486.728	-	-	8.712.919.877
Phân loại lại	(154.107.738)	(445.095.977)	(11.187.455.198)	(85.948.766)	-	(11.872.607.619)
Thanh lý	-	-	(1.025.760.102)	-	-	(1.025.760.102)
Chênh lệch tỷ giá	2.344.674.402	109.037.432.833	439.956.534	382.131.367	10.200.944	112.214.416.080
Tại ngày 30/6/2013	<u>242.143.460.688</u>	<u>11.116.664.070.936</u>	<u>44.513.227.800</u>	<u>38.678.535.588</u>	<u>1.031.668.548</u>	<u>11.443.030.963.560</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	41.179.642.812	2.376.839.873.184	37.513.644.048	24.107.306.116	350.660.208	2.479.991.126.368
Khấu hao trong kỳ	3.464.257.793	311.654.444.959	6.641.297.758	2.660.451.996	127.694.030	324.548.146.536
Phân loại lại	(102.259.379)	(301.945.345)	(9.804.589.263)	(85.948.706)	-	(10.294.742.693)
Thanh lý	-	-	(998.783.957)	-	-	(998.783.957)
Chênh lệch tỷ giá	397.355.214	26.324.789.490	332.368.486	265.790.422	4.758.538	27.325.062.150
Tại ngày 30/6/2013	<u>44.938.996.440</u>	<u>2.714.517.162.288</u>	<u>33.683.937.072</u>	<u>26.947.599.828</u>	<u>483.112.776</u>	<u>2.820.570.808.404</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	<u>197.204.464.248</u>	<u>8.402.146.908.648</u>	<u>10.829.290.728</u>	<u>11.730.935.760</u>	<u>548.555.772</u>	<u>8.622.460.155.156</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>196.862.881.864</u>	<u>8.595.790.830.736</u>	<u>16.143.512.036</u>	<u>14.167.518.020</u>	<u>670.807.396</u>	<u>8.823.635.550.052</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình tổng hợp báo cáo chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng dinar Algeria và chuyển đổi báo cáo từ đồng đô la Mỹ sang Việt Nam đồng.

Như trình bày tại thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 6.875.680.367.057 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 7.178.986.046.843 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 60.712.041.672 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 37.913.208.400 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	127.507.308.104	30.228.821.940	33.338.504.824	191.074.634.868
Tăng trong kỳ	-	208.310.000	-	208.310.000
Chênh lệch tỷ giá	1.273.358.944	303.279.724	332.936.864	1.909.575.532
Tại ngày 30/6/2013	<u>128.780.667.048</u>	<u>30.740.411.664</u>	<u>33.671.441.688</u>	<u>193.192.520.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	10.215.509.160	22.047.187.808	15.615.105.676	47.877.802.644
Khấu hao trong kỳ	1.114.583.486	2.719.070.430	2.913.861.111	6.747.515.027
Chênh lệch tỷ giá	112.986.490	246.345.130	184.616.741	543.948.361
Tại ngày 30/6/2013	<u>11.443.079.136</u>	<u>25.012.603.368</u>	<u>18.713.583.528</u>	<u>55.169.266.032</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	<u>117.337.587.912</u>	<u>5.727.808.296</u>	<u>14.957.858.160</u>	<u>138.023.254.368</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>117.291.798.944</u>	<u>8.181.634.132</u>	<u>17.723.399.148</u>	<u>143.196.832.224</u>

11/2/2013
CƠ
KH
VIỆT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	11.652.955.308	9.542.889.728
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	5.413.425.276	5.530.188.076
Khác	995.907.348	8.796.747.456
	<u>18.062.287.932</u>	<u>23.869.825.260</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, Vicom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là "PVD DeepWater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký VNĐ	Giá trị khoản đầu tư				Tỷ lệ sở hữu %
		30/6/2013		31/12/2012		
		VNĐ	USD	VNĐ	USD	
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	4.393.822	80.000.000.000	4.393.822	100
PVD Well	80.000.000.000	80.000.000.000	4.081.469	50.000.000.000	2.643.378	100
PVD Logging	80.000.000.000	80.000.000.000	4.236.959	80.000.000.000	4.236.959	100
PVD Tech	200.000.000.000	194.000.000.000	10.038.600	194.000.000.000	10.038.600	97
PVD Training	28.958.670.000	19.755.753.400	1.096.066	19.755.753.400	1.096.066	52
PVD DeepWater	100.000.000.000	100.000.000.000	4.799.846	100.000.000.000	4.799.846	100
Chênh lệch tỷ giá	-	48.857.532.032	-	42.946.446.188	-	
		602.613.285.432	28.646.762	566.702.199.588	27.208.671	

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 1 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này, tương đương 10,2 triệu đô la Mỹ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, số vốn điều lệ Tổng Công ty còn phải góp vào liên doanh này là 6,2 triệu đô la Mỹ.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm ứng 500.000 đô la Mỹ để PVD Overseas đặt cọc mua giàn khoan và tại ngày lập báo cáo này Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 18.982.000 đô la Mỹ (bao gồm 500.000 đô la Mỹ đã tạm ứng trước đây).

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
BJ-PVD	49.971.683.140	49.971.683.140
PVD-Baker Hughes	83.312.000.000	83.312.000.000
Chênh lệch tỷ giá	1.331.045.040	-
	134.614.728.180	133.283.683.140

702-
SH
Y
ƯU H
TE
M
C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.405.714.936	3.224.575.664
	<u>33.405.714.936</u>	<u>33.224.575.664</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech, một công ty con của Tổng Công ty.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	43.409.195.412	58.149.380.780
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	7.718.886.732	12.407.614.504
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling I	40.454.899.572	3.768.014.308
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	58.688.189.148	93.206.216.432
Chi phí trả trước dài hạn khác	486.962.364	1.403.328.156
	<u>150.758.133.228</u>	<u>168.934.554.180</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại của chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	273.468.000.000	326.984.416.388
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	1.410.405.509.244	1.425.513.183.512
	<u>1.683.873.509.244</u>	<u>1.752.497.599.900</u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	116.636.800.000
Ngân hàng Vietcombank	-	210.347.616.388
Ngân hàng DBS - Chi nhánh Việt Nam	42.072.000.000	-
Ngân hàng ANZ	42.072.000.000	-
Ngân hàng Mizuho	42.072.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	147.252.000.000	-
	<u>273.468.000.000</u>	<u>326.984.416.388</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

Ngân hàng	Hạn mức tín dụng USD
Ngân hàng DBS - Chi nhánh Việt Nam	2.000.000
Ngân hàng ANZ	17.000.000
Ngân hàng Mizuho	10.000.000
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	25.000.000

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	18.128.635.476	98.144.077.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.445.608.728	44.159.546.428
Thuế thu nhập cá nhân	39.050.956.932	17.969.690.248
Các loại thuế khác	17.254.610.712	39.074.848.444
	<u>117.879.811.848</u>	<u>199.348.162.136</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2013 VNĐ	Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	30/6/2013 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	98.144.077.016	208.003.992.610	288.222.000.916	202.566.766	18.128.635.476
Thuế xuất nhập khẩu	-	82.178.295	82.178.295	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.159.546.428	80.219.076.957	81.722.184.595	789.169.938	43.445.608.728
Thuế thu nhập cá nhân	17.969.690.248	246.347.281.014	226.382.223.073	1.116.208.743	39.050.956.932
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các loại thuế khác	39.074.848.444	225.480.764.159	248.628.532.463	1.327.530.572	17.254.610.712
	<u>199.348.162.136</u>	<u>760.138.293.035</u>	<u>845.042.119.342</u>	<u>3.435.476.019</u>	<u>117.879.811.848</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan	598.376.487.780	422.389.049.048
Trích trước chi phí lãi vay	55.945.326.144	54.032.559.956
Trích trước phí quản lý Petro Việt Nam	11.584.209.660	7.748.620.012
Các khoản khác	61.694.401.836	22.215.373.908
	<u>727.600.425.420</u>	<u>506.385.602.924</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013 <u>VNĐ</u>	31/12/2012 <u>VNĐ</u>
Phải trả nội bộ cho các công ty con	84.207.739.080	141.953.379.796
Các khoản phải trả khác	7.907.705.868	9.276.562.092
Cổ tức phải trả	5.140.335.924	5.287.333.596
	<u>97.255.780.872</u>	<u>156.517.275.484</u>

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2013 <u>VNĐ</u>	31/12/2012 <u>VNĐ</u>
Các khoản vay dài hạn	4.954.068.896.556	5.632.367.328.080
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	<u>(1.410.405.509.244)</u>	<u>(1.425.513.183.512)</u>
	<u>3.543.663.387.312</u>	<u>4.206.854.144.568</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2013 <u>VNĐ</u>	31/12/2012 <u>VNĐ</u>
Ngân hàng Vietcombank	323.368.610.508	426.894.936.912
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	-	29.053.497.900
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.458.861.794.972	2.674.071.033.356
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	846.699.000.000	1.077.849.000.000
MB và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	1.060.085.891.076	1.124.575.659.912
Ngân hàng Standard Charter ("SCB")	265.053.600.000	299.923.200.000
	<u>4.954.068.896.556</u>	<u>5.632.367.328.080</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Đư nợ	Đư nợ
				30/6/2013	31/12/2012
				VND	VND
Vietcombank	Giảm PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	323.368.610.508	426.894.936.912
PVFC	Giảm PVDrilling II	SIBOR 6 tháng + biên	Giảm PV Drilling II	-	29.053.497.900
BIDV - đồng tài trợ	Giảm PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giảm PV Drilling II	2.149.632.594.972	2.307.498.233.356
BIDV	Giảm PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Klông có	309.229.200.000	366.572.800.000
HSBC - đồng tài trợ	Giảm PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giảm PV Drilling III	846.699.000.000	1.077.849.000.000
MB và Vietinbank	Giảm PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giảm PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	1.060.085.891.076	1.124.575.659.912
SCB	Giảm PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giảm PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	265.053.600.000	299.923.200.000
				4.954.068.896.556	5.632.367.328.080

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.410.405.509.244	1.425.513.183.512
Trong năm thứ hai	1.181.658.972.408	1.396.459.685.612
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.718.586.127.752	1.919.245.672.296
Sau năm năm	643.418.287.152	891.148.786.660
	4.954.068.896.556	5.632.367.328.080
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.410.405.509.244)	(1.425.513.183.512)
Số phải trả sau 12 tháng	3.543.663.387.312	4.206.854.144.568

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	187.795.662.000	93.421.827.888
Số trích lập trong kỳ	71.437.709.064	94.655.491.156
Số quỹ đã sử dụng	(18.000.000)	(281.657.044)
Kết chuyển từ công ty con	26.666.273.600	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.997.635.108	-
Tại ngày cuối kỳ	287.879.279.772	187.795.662.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 6, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.105.082.150.000 đồng.

Cổ phần	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	348.480	348.480
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	210.159.735	210.159.735
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại 31 tháng 12 năm 2012 là Tập Đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam hiện sở hữu 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty. Ngoài ra, Deutsche Bank AG London là cổ đông lớn của Tổng Công ty với số lượng cổ phần đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 12.445.892 cổ phần tương ứng 5,92% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 12.788.832 cổ phần tương ứng 6,09%).

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong kỳ Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thu được một phần vốn với số tiền là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ từ đợt phát hành riêng lẻ này như trình bày tại Thuyết minh số 5. Và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã hoàn tất việc thu tiền từ việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần này với tổng số tiền thu được là 1.453.947.216.000 đồng tương đương 68.824.892,86 đô la Mỹ, nâng tổng số lượng cổ phần của Tổng Công ty lên thành 248.508.215 cổ phần. Tại ngày 19 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 7 với số vốn điều lệ là 2.485.082.150.000 đồng và tại ngày 23 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung đối với số lượng số phiếu phát hành thêm này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MÀU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(44.395.487.786)	789.943.240.255	306.272.087.019	181.700.252.018	1.385.665.034.420	6.106.397.507.780
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(315.239.602.500)	(315.239.602.500)
Thường cổ phiếu quỹ	-	-	30.512.410.588	-	-	-	-	30.512.410.588
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.524.783.752)	-	-	-	-	(1.524.783.752)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(23.945.072.724)	-	-	-	(23.945.072.724)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	75.853.805.620	42.269.113.836	1.044.712.360.152	1.044.712.360.152
Phân phối quỹ	-	-	-	-	382.125.892.639	223.969.365.854	1.892.637.389.916	(114.377.482.700)
Tại ngày 31/12/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	765.998.167.531	382.125.892.639	223.969.365.854	1.892.637.389.916	6.726.535.336.844
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	71.588.108.490	-	-	-	71.588.108.490
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	55.226.464.651	-	697.766.591.388	697.766.591.388
Phân phối quỹ	-	-	-	-	10.000.000.000	-	(136.998.633.601)	(81.772.168.950)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	447.352.357.290	-	-	10.000.000.000
Tại ngày 30/6/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	837.586.276.021	447.352.357.290	223.969.365.854	2.443.405.347.703	7.424.117.867.772

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công bố định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa công bố việc chia cổ tức cho cổ đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Chi tiết chênh lệch tỉ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	17.715.858.041	764.129.643.266	8.097.738.948	789.943.240.255
Phát sinh trong năm	(19.607.979.072)	3.760.645.296	(8.097.738.948)	(23.945.072.724)
Tại 31/12/2012	(1.892.121.031)	767.890.288.562	-	765.998.167.531
Phát sinh trong kỳ	(1.730.264.522)	73.318.373.012	-	71.588.108.490
Tại 30/6/2013	(3.622.385.553)	841.208.661.574	-	837.586.276.021

25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	3.819.394.950.683	1.995.285.596.924
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	794.595.432.843	644.794.848.584
	<u>4.613.990.383.526</u>	<u>2.640.080.445.508</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	2.964.097.004.783	1.486.807.738.088
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	661.753.104.517	500.892.447.032
	<u>3.625.850.109.300</u>	<u>1.987.700.185.120</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.488.838.140	160.179.525.208
Chi phí nhân công	1.091.797.184.185	960.675.795.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.295.661.563	326.689.804.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.248.807.063.730	677.949.317.200
Chi phí khác	144.767.825.854	87.506.405.124
	<u>3.905.156.573.472</u>	<u>2.213.000.847.548</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.009.701.838	7.812.520.316
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	142.664.998.897	171.212.949.928
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	15.946.520.812
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.715.430.146	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.077.030.334	10.008.124.764
	<u>156.467.161.215</u>	<u>204.980.115.820</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	67.044.094.387	101.344.674.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.404.115.458	22.762.296.360
Chi phí tài chính khác	2.429.998.643	9.129.766.348
	<u>91.878.208.488</u>	<u>133.236.736.828</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	777.985.668.345	501.105.267.536
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(142.470.624.836)	(187.159.470.740)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.158.849.361	6.970.506.760
Thu nhập chịu thuế	<u>636.673.892.870</u>	<u>320.916.303.556</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>80.219.076.957</u>	<u>36.933.167.688</u>

Tổng Công ty được được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	5.227.536.896.556	5.959.351.744.468
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.754.813.758.980	271.101.871.816
Nợ thuần	3.472.723.137.576	5.688.249.872.652
Vốn chủ sở hữu	7.424.117.867.724	6.726.535.336.844
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,47</u>	<u>0,85</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.754.813.758.980	271.101.871.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.974.474.447.732	2.072.095.261.948
Các khoản đầu tư khác	33.405.714.936	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	14.933.919.192	14.426.868.276
Tổng cộng	<u>3.777.627.840.840</u>	<u>2.390.848.577.704</u>
Các khoản vay và nợ	5.227.536.896.556	5.959.351.744.468
Phải trả người bán và phải trả khác	740.220.005.964	970.674.839.444
Chi phí phải trả	727.600.425.420	506.385.602.924
Tổng cộng	<u>6.695.357.327.940</u>	<u>7.436.412.186.836</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
VND	237.780.468.152	391.667.894.844	1.844.842.924.442	992.653.857.208
DZD	22.324.976.428	23.654.984.440	117.706.362.249	34.929.430.776
SGD	5.966.399.870	10.247.292.688	65.886.856	249.477.784
EUR	6.058.664.818	5.377.602.148	174.994.908	185.140.092
Norwegian krone (NOK)	38.806.371	768.761.480	-	-
Bạt Thái (THB)	-	294.237.156	-	-
GBP	426.215.445	604.699.324	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	-	-	-
Đô la Úc (AUD)	624.177.247	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 32.141.240.976 đồng.

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 14.862.207.468 đồng.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

30/6/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.754.813.758.980	-	-	1.754.813.758.980
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.974.474.447.732	-	-	1.974.474.447.732
Các khoản đầu tư khác	-	9.955.518.396	23.450.196.540	33.405.714.936
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.379.456.736	13.554.462.456	-	14.933.919.192
Tổng cộng	3.730.667.663.448	23.509.980.852	23.450.196.540	3.777.627.840.840
Các khoản vay và nợ	1.683.873.509.244	2.900.245.100.160	643.418.287.152	5.227.536.896.556
Phải trả người bán và phải trả khác	740.220.005.964	-	-	740.220.005.964
Chi phí phải trả	727.600.425.420	-	-	727.600.425.420
Tổng cộng	3.151.693.940.628	2.900.245.100.160	643.418.287.152	6.695.357.327.940
Chênh lệch thanh khoản thuần	578.973.722.820	(2.876.735.119.308)	(619.968.090.612)	(2.917.729.487.100)
31/12/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.101.871.816	-	-	271.101.871.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.072.095.261.948	-	-	2.072.095.261.948
Các khoản đầu tư khác	-	10.006.248.400	23.218.327.264	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	982.477.588	13.444.390.688	-	14.426.868.276
Tổng cộng	2.344.179.611.352	23.450.639.088	23.218.327.264	2.390.848.577.704
Các khoản vay và nợ	1.752.497.599.900	3.315.705.357.908	891.148.786.660	5.959.351.744.468
Phải trả người bán và phải trả khác	970.674.839.444	-	-	970.674.839.444
Chi phí phải trả	506.385.602.924	-	-	506.385.602.924
Tổng cộng	3.229.558.042.268	3.315.705.357.908	891.148.786.660	7.436.412.186.836
Chênh lệch thanh khoản thuần	(885.378.430.916)	(3.292.254.718.820)	(867.930.459.396)	(5.045.563.609.132)

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>6.531.485.235</u>	<u>7.449.571.588</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	13.042.107.020	17.485.814.152
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.428.543.405	42.329.265.100
Sau năm năm	-	189.670.827.668
	<u>36.470.650.425</u>	<u>249.485.906.920</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê văn phòng của Tổng công ty với thời gian thuê từ 1 năm đến 8 năm.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	918.883.588.103	547.022.176.464
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	380.832.271.008	80.253.783.104
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	929.771.183.127	1.232.139.908.080
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	-	58.896.960.184
	<u>2.239.487.842.246</u>	<u>1.878.312.868.732</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	61.817.538.216	46.332.864.916
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	175.648.570.272	173.279.858.164
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	376.982.955	-
	<u>273.447.091.443</u>	<u>219.612.723.084</u>
Vay từ PVFC		
Lãi vay đã trả	250.321.441	1.153.829.544
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>29.059.077.600</u>	<u>29.053.497.900</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

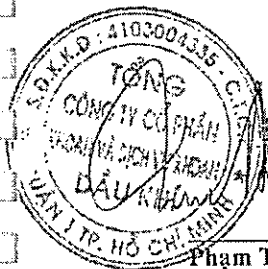
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lương	2.672.644.500	3.842.040.634
Tiền thưởng	2.003.426.250	4.140.973.966
Các khoản phúc lợi khác	141.700.000	120.000.000
	4.817.770.750	8.103.014.600

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	24.435.329.670	79.538.547.961
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	2.011.074.226.836	2.064.792.944.320
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	218.568.295.051	968.875.121.768
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	320.532.005	117.636.683.072
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	28.492.293.923	61.798.087.876
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	84.207.739.080	141.953.379.796
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	-	2.058.362.924
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	-	-
Các khoản vay phải trả		
PVFC	-	29.053.497.900
Lãi vay phải trả		
PVFC	-	92.205.973
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	-	270.418.880

35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

Báo cáo tài chính riêng quy đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 8 năm 2013.

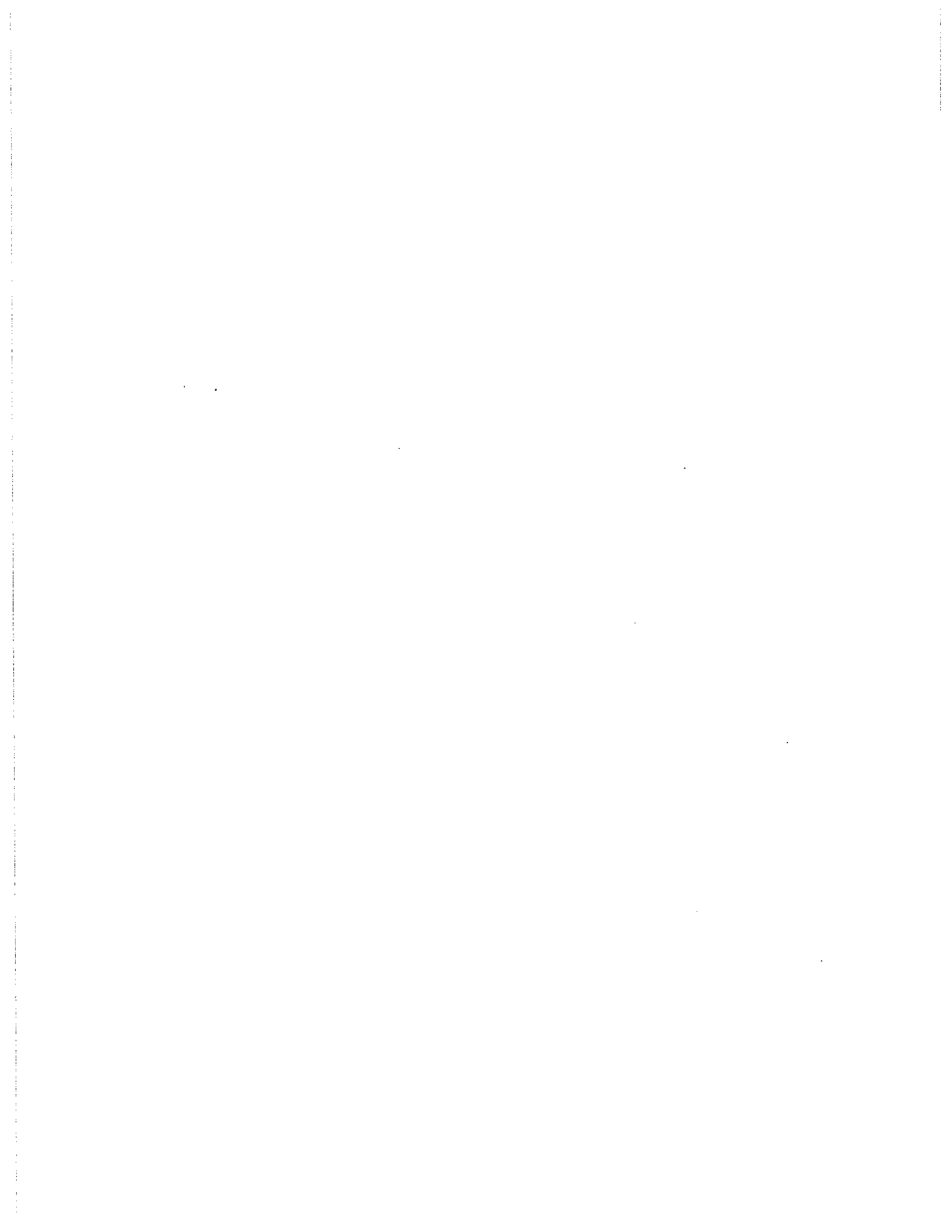


Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ
DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 31

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty")
đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và
đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yên Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

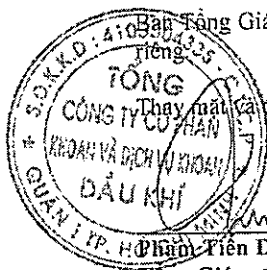
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp
lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty
trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên
quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc
được yêu cầu phải:

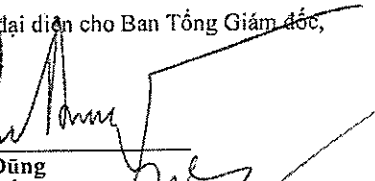
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần
được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục
hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài
chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một
cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng
tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc
lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng
Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Số: 128 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập được lập ngày 23 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 23 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013		31/12/2012	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		198.108.561		131.404.824	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	83.419.555		13.016.222	
1. Tiền	111		55.659.025		9.880.103	
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.760.530		3.136.119	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.064.542		101.581.129	
1. Phải thu khách hàng	131		75.356.119		89.518.665	
2. Trả trước cho người bán	132		2.202.855		2.095.088	
3. Các khoản phải thu khác	135	6	18.515.136		9.976.944	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.568)		(9.568)	
III. Hàng tồn kho	140	7	14.352.107		13.952.865	
1. Hàng tồn kho	141		14.352.107		13.952.865	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.272.357		2.854.608	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.336.808		1.507.250	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		432.644		1.067.602	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		502.905		279.756	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		542.524.142		574.890.932	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80.636.749		99.135.440	
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	80.636.749		99.135.440	
II. Tài sản cố định	220		417.310.596		431.664.212	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	409.890.671		423.642.959	
- Nguyên giá	222		543.973.710		542.713.015	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.083.039)		(119.070.056)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	6.561.288		6.875.208	
- Nguyên giá	228		9.183.900		9.173.931	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.622.612)		(2.298.723)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	858.637		1.146.045	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36.634.043		35.203.114	
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	28.646.762		27.208.671	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	6.399.255		6.399.255	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	1.588.026		1.595.188	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.942.754		8.888.166	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	7.166.673		8.110.935	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	131.735		131.735	
3. Tài sản dài hạn khác	268		644.346		645.496	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		740.632.703		706.295.756	

300
NH
NG
HỆ
ĐI
T B
P.1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

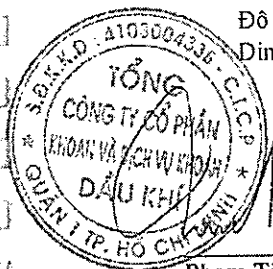
MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: Đô la Mỹ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013		31/12/2012	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		387.708.294		383.339.383	
I. Nợ ngắn hạn	310		166.261.488		171.697.985	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	80.047.229		84.141.425	
2. Phải trả người bán	312		30.564.947		39.089.570	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	5.603.718		9.571.162	
4. Phải trả người lao động	315		3.619.994		2.005.035	
5. Chi phí phải trả	316	19	34.588.345		24.312.733	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	4.623.302		7.514.753	
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	3.447.889		3.448.635	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.766.064		1.614.672	
II. Nợ dài hạn	330		221.446.806		211.641.398	
1. Phải trả dài hạn khác	333	5	38.693.668		-	
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	168.457.092		201.980.706	
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		527.913		527.913	
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		83.056		116.279	
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	13.685.077		9.016.500	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		352.924.409		322.956.373	
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	352.924.409		322.956.373	
1. Vốn điều lệ	411		117.333.602		117.333.602	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.037.828		77.037.828	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(810.486)		(810.486)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(38.986)		44.076	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.168.194		20.036.973	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.733.360		11.733.360	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		124.500.897		97.581.020	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		740.632.703		706.295.756	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/6/2013	31/12/2012
Việt Nam Đồng ("VND")	1.488.444.685.964	148.087.024.802
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Đô la Singapore ("SGD")	3.921	13.289
Dinars Algeria ("DZD")	61.407.042	63.593.207



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

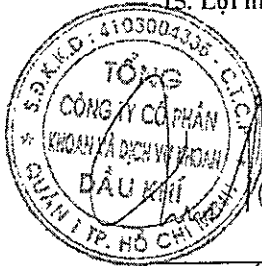
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		221.496.346	126.756.311
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	25	221.496.346	126.756.311
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	174.060.300	95.434.040
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		47.436.046	31.322.271
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	7.511.265	9.841.565
6. Chi phí tài chính	22	29	4.410.648	6.397.001
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.218.477	4.865.790
7. Chi phí bán hàng	24		182.534	158.420
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.225.678	10.658.781
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		37.128.451	23.949.634
10. Thu nhập khác	31		220.782	110.320
11. Chi phí khác	32		1.738	742
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		219.044	109.578
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.347.495	24.059.212
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	3.850.947	1.773.246
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		<u>33.496.548</u>	<u>22.285.966</u>

Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốcĐoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởngTrần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.347.495	24.059.212
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.903.973	15.685.126
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(226.366)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.135.890)	(9.361.052)
Chi phí lãi vay	06	3.218.477	4.865.790
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	49.107.689	35.249.076
Biến động các khoản phải thu	09	26.344.769	(9.275.571)
Biến động hàng tồn kho	10	(399.242)	(1.141.484)
Biến động các khoản phải trả	11	1.631.555	17.868.260
Biến động chi phí trả trước	12	(809.550)	(1.545.057)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.086.754)	(4.702.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.905.850)	(2.159.729)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.840.264)	(1.750.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.042.353	32.542.789
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.606.649)	(2.145.687)
2. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(1.438.091)	(3.750.980)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.335.921	5.090.732
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.291.181	(805.935)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	38.693.668	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(72.540)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.000.000	28.886.123
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.617.810)	(54.292.228)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(9.498)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.066.360	(25.478.645)
Lưu chuyển tiền trong năm (50=20+30+40)	50	70.399.894	6.258.209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.016.222	13.825.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	3.439	(2.300)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>83.419.555</u>	<u>20.081.832</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN

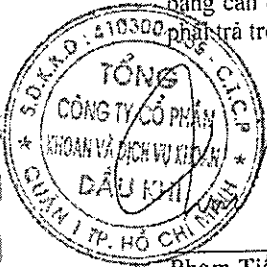
Đơn vị tính: Đô la Mỹ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 8.965.435 đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2012: 13.436.592 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 9.414.376 đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2012: 14.924.405 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của kỳ trước đã thu trong kỳ này.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 2.227.264 đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2012: 6.467.226 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cần trừ công nợ nội bộ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và 24, tiền nhận vốn góp của cổ đông trong kỳ với số tiền là 38.693.668 đô la Mỹ tương đương 813.960.000.000 đồng là một phần khoản tiền nhận được từ đợt phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phiếu. Tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để điều chỉnh và ghi nhận tăng vốn và khoản tiền này được trình bày như một khoản công nợ phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần biến động các khoản phải trả trong phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 6 ngày 12 tháng 8 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 7 ngày 19 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính riêng bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của riêng Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ và chi phí duy tu bảo dưỡng giàn khoan, phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

TINH HANH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Đề hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của cơ sở kinh doanh tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	74.817	65.527
Tiền gửi ngân hàng	55.584.208	9.814.576
Các khoản tương đương tiền	<u>27.760.530</u>	<u>3.136.119</u>
	<u><u>83.419.555</u></u>	<u><u>13.016.222</u></u>

Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ, là khoản tiền nhận về từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo qui định, do đó khoản tiền nhận góp vốn này được theo dõi riêng biệt như một khoản phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con	14.964.802	7.358.620
Phải thu chi phí trả hộ từ công ty liên doanh PVD-Baker Hughes	77.093	77.093
Phải thu chi phí trả hộ từ công ty liên doanh PV Drilling Overseas	500.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	79.342	65.730
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh BJ-PVD	2.046.426	2.055.757
Các khoản phải thu khác	847.473	419.744
	<u><u>18.515.136</u></u>	<u><u>9.976.944</u></u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	-	39.627
Nguyên liệu, vật liệu	14.352.107	13.891.244
Công cụ, dụng cụ	-	21.994
	<u><u>14.352.107</u></u>	<u><u>13.952.865</u></u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD ("PVD DeepWater"), một công ty con của Tổng Công ty, thể hiện khoản ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi ("TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

11/11/2013 12:11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc USD	Máy móc, thiết bị USD	Thiết bị văn phòng USD	Phương tiện vận tải USD	Tài sản khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	11.428.967	526.821.140	2.576.203	1.837.662	49.043	542.713.015
Tăng trong kỳ	91.708	1.288.781	120.534	5.161	-	1.506.184
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	412.579	5.688	-	-	418.267
Phân loại lại	(7.398)	(21.367)	(537.058)	(4.126)	-	(569.949)
Thanh lý	-	-	(49.242)	-	-	(49.242)
Chênh lệch tỷ giá	(2.369)	(42.107)	(75)	(14)	-	(44.565)
Tại ngày 30/6/2013	<u>11.510.908</u>	<u>528.459.026</u>	<u>2.116.050</u>	<u>1.838.683</u>	<u>49.043</u>	<u>543.973.710</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	1.977.129	114.117.528	1.801.116	1.157.447	16.836	119.070.056
Khấu hao trong kỳ	166.303	14.961.089	318.818	127.716	6.130	15.580.056
Phân loại lại	(4.909)	(14.495)	(470.673)	(4.126)	-	(494.203)
Thanh lý	-	-	(47.947)	-	-	(47.947)
Chênh lệch tỷ giá	(2.233)	(22.614)	(62)	(14)	-	(24.923)
Tại ngày 30/6/2013	<u>2.136.290</u>	<u>129.041.508</u>	<u>1.601.252</u>	<u>1.281.023</u>	<u>22.966</u>	<u>134.083.039</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	<u>9.374.618</u>	<u>399.417.518</u>	<u>514.798</u>	<u>557.660</u>	<u>26.077</u>	<u>409.890.671</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.451.838</u>	<u>412.703.612</u>	<u>775.087</u>	<u>680.215</u>	<u>32.207</u>	<u>423.642.959</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 326.853.031 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 344.679.568 đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 2.886.102 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.820.300 đô la Mỹ).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	6.121.918	1.451.355	1.600.658	9.173.931
Tăng trong kỳ	-	10.000	-	10.000
Chênh lệch tỷ giá	-	(31)	-	(31)
Tại ngày 30/6/2013	<u>6.121.918</u>	<u>1.461.324</u>	<u>1.600.658</u>	<u>9.183.900</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	490.470	1.058.536	749.717	2.298.723
Khấu hao trong kỳ	53.506	130.530	139.881	323.917
Chênh lệch tỷ giá	-	(28)	-	(28)
Tại ngày 30/6/2013	<u>543.976</u>	<u>1.189.038</u>	<u>889.598</u>	<u>2.622.612</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	<u>5.577.942</u>	<u>272.286</u>	<u>711.060</u>	<u>6.561.288</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.631.448</u>	<u>392.819</u>	<u>850.941</u>	<u>6.875.208</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	553.953	458.176
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	257.341	265.517
Khác	47.343	422.352
	<u>858.637</u>	<u>1.146.045</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, Vicom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là "PVD DeepWater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	30/6/2013				31/12/2012			
	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp	Giá trị khoản đầu tư
	%	VND	USD	USD	%	VND	USD	USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD DeepWater	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846
				<u>28.646.762</u>				<u>27.208.671</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này, tương đương 10,2 triệu đô la Mỹ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, số vốn điều lệ Tổng Công ty còn phải góp vào liên doanh này là 6,2 triệu đô la Mỹ.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thể hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm ứng 500.000 đô la Mỹ để PVD Overseas đặt cọc mua giàn khoan và tại ngày lập báo cáo này Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 18.982.000 đô la Mỹ (bao gồm 500.000 đô la Mỹ đã tạm ứng trước đây).

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	2.399.255	2.399.255
PVD-Baker Hughes	4.000.000	4.000.000
	<u>6.399.255</u>	<u>6.399.255</u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	1.114.765	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	473.261	480.423
	<u>1.588.026</u>	<u>1.595.188</u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech, một công ty con của Tổng Công ty.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	2.063.567	2.791.885
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	366.937	595.718
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling I	1.923.127	180.911
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	2.789.893	4.475.044
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.149	67.377
	<u>7.166.673</u>	<u>8.110.935</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại của chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay ngắn hạn	13.000.000	15.699.271
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	67.047.229	68.442.154
	<u>80.047.229</u>	<u>84.141.425</u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	5.600.000
Ngân hàng Vietcombank	-	10.099.271
Ngân hàng DBS - Chi nhánh Việt Nam	2.000.000	-
Ngân hàng ANZ	2.000.000	-
Ngân hàng Mizuho	2.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	7.000.000	-
	<u>13.000.000</u>	<u>15.699.271</u>

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

Ngân hàng	Hạn mức tín dụng <u>USD</u>
Ngân hàng DBS - Chi nhánh Việt Nam	2.000.000
Ngân hàng ANZ	17.000.000
Ngân hàng Mizuho	10.000.000
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	25.000.000

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thuế giá trị gia tăng	861.791	4.712.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.065.298	2.120.201
Thuế thu nhập cá nhân	1.856.387	862.766
Các loại thuế khác	820.242	1.876.073
	<u>5.603.718</u>	<u>9.571.162</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.712.122	9.985.310	13.835.641	861.791
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.945	3.945	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.120.201	3.850.947	3.905.850	2.065.298
Thuế thu nhập cá nhân	862.766	11.825.994	10.832.373	1.856.387
Thuế môn bài	-	239	239	-
Các loại thuế khác	1.876.073	10.824.289	11.880.120	820.242
	<u>9.571.162</u>	<u>36.490.724</u>	<u>40.458.168</u>	<u>5.603.718</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan	28.445.355	20.279.866
Trích trước chi phí lãi vay	2.659.504	2.594.227
Trích trước phí quản lý Petro Việt Nam	550.685	372.029
Các khoản khác	2.932.801	1.066.611
	<u>34.588.345</u>	<u>24.312.733</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải trả nội bộ cho các công ty con	4.003.030	6.815.507
Các khoản phải trả khác	375.913	445.389
Cổ tức phải trả	244.359	253.857
	<u>4.623.302</u>	<u>7.514.753</u>

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn theo Quyết định của Tổng Công ty.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay dài hạn	235.504.321	270.422.860
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	(67.047.229)	(68.442.154)
	<u>168.457.092</u>	<u>201.980.706</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

				30/6/2013	31/12/2012
				USD	USD
Ngân hàng Vietcombank				15.372.153	20.496.204
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")				-	1.394.925
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")				116.888.277	128.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")				40.250.000	51.750.000
MB và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")				50.393.891	53.993.454
Ngân hàng Standard Charter ("SCB")				12.600.000	14.400.000
				235.504.321	270.422.860
				Dư nợ	Dư nợ
				30/6/2013	31/12/2012
<u>Ngân hàng</u>	<u>Mục đích tài trợ xây dựng</u>	<u>Lãi suất %</u>	<u>Hình thức đảm bảo</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vietcombank	Gián PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	15.372.153	20.496.204
PVFC	Gián PVDrilling II	SIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling II	-	1.394.925
BIDV - đồng tài trợ	Gián PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Gián PV Drilling II	102.188.277	110.788.277
BIDV	Gián PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	14.700.000	17.600.000
HSBC - đồng tài trợ	Gián PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và gián PV Drilling III	40.250.000	51.750.000
MB và Vietinbank	Gián PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	50.393.891	53.993.454
SCB	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	12.600.000	14.400.000
				235.504.321	270.422.860

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Trong vòng một năm	67.047.229	68.442.154
Trong năm thứ hai	56.173.178	67.047.229
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	81.697.382	92.147.382
Sau năm năm	30.586.532	42.786.095
	235.504.321	270.422.860
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(67.047.229)	(68.442.154)
Số phải trả sau 12 tháng	168.457.092	201.980.706

500
NHÀ
NG
HIỆM
DỊ
TN
7P.1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tại ngày 01 tháng 01	9.016.500	4.485.396
Số trích lập trong kỳ	3.395.974	4.544.627
Số quỹ đã sử dụng	(856)	(13.523)
Kết chuyển từ công ty con	1.273.459	-
Tại ngày cuối kỳ	<u>13.685.077</u>	<u>9.016.500</u>

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 6, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.105.082.150.000 đồng.

Cổ phần	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	348.480	348.480
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	210.159.735	210.159.735
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty. Ngoài ra, Deutsche Bank AG London là cổ đông lớn của Tổng Công ty với số lượng cổ phần đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 12.445.892 cổ phần tương ứng 5,92% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 12.788.832 cổ phần tương ứng 6,09%).

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong kỳ Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thu được một phần vốn với số tiền là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ từ đợt phát hành riêng lẻ này như trình bày tại Thuyết minh số 5. Và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã hoàn tất việc thu tiền từ việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần này với tổng số tiền thu được là 1.453.947.216.000 đồng tương đương 68.824.892,86 đô la Mỹ, nâng tổng số lượng cổ phần của Tổng Công ty lên thành 248.508.215 cổ phần. Tại ngày 19 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 7 với số vốn điều lệ là 2.485.082.150.000 đồng và tại ngày 23 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung đối với số lượng số phiếu phát hành thêm này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Cổ phiếu quỹ USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Lợi nhuận chưa phân phối USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2012	117.333.602	77.037.828	(2.342.963)	1.374.291	16.395.058	9.703.923	73.680.396	293.182.135
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(15.095.533)	(15.095.533)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	1.605.017	-	-	-	-	1.605.017
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(72.540)	-	-	-	-	(72.540)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.330.215)	-	-	-	(1.330.215)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	50.159.034	50.159.034
Phân phối quỹ	-	-	-	-	3.641.915	2.029.437	(11.162.877)	(5.491.525)
Tại ngày 31/12/2012	<u>117.333.602</u>	<u>77.037.828</u>	<u>(810.486)</u>	<u>44.076</u>	<u>20.036.973</u>	<u>11.733.360</u>	<u>97.581.020</u>	<u>322.956.373</u>
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(83.062)	-	-	-	(83.062)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	33.496.548	33.496.548
Phân phối quỹ	-	-	-	-	2.655.845	-	(6.576.671)	(3.920.826)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	475.376	-	-	475.376
Tại ngày 30/6/2013	<u>117.333.602</u>	<u>77.037.828</u>	<u>(810.486)</u>	<u>(38.986)</u>	<u>23.168.194</u>	<u>11.733.360</u>	<u>124.500.897</u>	<u>352.924.409</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công bố đồng xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa công bố việc chia cổ tức cho cổ đông.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ USD	Tổng cộng USD
Tại ngày 01/01/2012	985.500	388.791	1.374.291
Phát sinh trong năm	(941.424)	(388.791)	(1.330.215)
Tại 31/12/2012	44.076	-	44.076
Phát sinh trong kỳ	(83.062)	-	(83.062)
Tại 30/6/2013	<u>(38.986)</u>	<u>-</u>	<u>(38.986)</u>

25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	183.351.493	95.798.233
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	38.144.853	30.958.078
	<u>221.496.346</u>	<u>126.756.311</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	142.292.593	71.385.046
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	31.767.707	24.048.994
	<u>174.060.300</u>	<u>95.434.040</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.247.940	7.690.586
Chi phí nhân công	52.412.135	46.124.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.903.973	15.685.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.954.830	32.549.900
Chi phí khác	6.949.634	4.201.383
	<u>187.468.512</u>	<u>106.251.241</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	288.498	375.097
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	6.848.687	8.220.326
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	765.629
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	226.366	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	147.714	480.513
	<u>7.511.265</u>	<u>9.841.565</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	3.218.477	4.865.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.075.518	1.092.870
Chi phí tài chính khác	116.653	438.341
	<u>4.410.648</u>	<u>6.397.001</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	USD	USD
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.347.495	24.059.212
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.839.356)	(8.985.955)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	55.631	334.670
Thu nhập chịu thuế	<u>30.563.770</u>	<u>15.407.927</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.850.947</u>	<u>1.773.246</u>

Tổng Công ty được được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

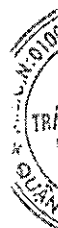
Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Các khoản vay	248.504.321	286.122.131
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	83.419.555	13.016.222
Nợ thuần	165.084.766	273.105.909
Vốn chủ sở hữu	<u>352.924.409</u>	<u>322.956.373</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0.47</u>	<u>0.85</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.419.555	13.016.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.861.687	99.486.041
Các khoản đầu tư khác	1.588.026	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	709.922	692.667
Tổng cộng	179.579.190	114.790.118
Các khoản vay và nợ	248.504.321	286.122.131
Phải trả người bán và phải trả khác	35.188.249	46.604.323
Chi phí phải trả	34.588.345	24.312.733
Tổng cộng	318.280.915	357.039.187

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

1250
HỊ N
CÔN
HNNH
ELC
VIỆT
IF

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÁU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD	USD	USD
VNĐ	11.303.502	18.804.873	87.699.321	47.659.586
DZD	1.061.275	1.135.730	5.595.473	1.677.042
SGD	283.628	491.996	3.132	11.978
EUR	288.014	258.191	8.319	8.889
Norwegian krone (NOK)	1.845	36.910	-	-
Bạt Thái (THB)	-	14.127	-	-
Bảng Anh (GBP)	20.261	-	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	29.033	-	-
Đô la Úc (AUD)	29.672	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 1.527.916 đô la Mỹ.

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 706.513 đô la Mỹ.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

002
ANH
TY
HUU
TTI
IAN
HOC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.419.555	-	-	83.419.555
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.861.687	-	-	93.861.687
Các khoản đầu tư khác	-	473.261	1.114.765	1.588.026
Các khoản ký quỹ, ký cược	65.576	644.346	-	709.922
Tổng cộng	177.346.818	1.117.607	1.114.765	179.579.190
Các khoản vay và nợ	80.047.229	137.870.560	30.586.532	248.504.321
Phải trả người bán và phải trả khác	35.188.249	-	-	35.188.249
Chi phí phải trả	34.588.345	-	-	34.588.345
Tổng cộng	149.823.823	137.870.560	30.586.532	318.280.915
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.522.995	(136.752.953)	(29.471.767)	(138.701.725)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

31/12/2012	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.016.222	-	-	13.016.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.486.041	-	-	99.486.041
Các khoản đầu tư khác	-	480.423	1.114.765	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	47.171	645.496	-	692.667
Tổng cộng	112.549.434	1.125.919	1.114.765	114.790.118
Các khoản vay và nợ	84.141.425	159.194.611	42.786.095	286.122.131
Phải trả người bán và phải trả khác	46.604.323	-	-	46.604.323
Chi phí phải trả	24.312.733	-	-	24.312.733
Tổng cộng	155.058.481	159.194.611	42.786.095	357.039.187
Chênh lệch thanh khoản thuần	(42.509.047)	(158.068.692)	(41.671.330)	(242.249.069)

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

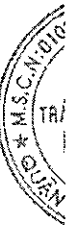
33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	313.544	357.671

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2013 USD	31/12/2012 USD
Trong vòng một năm	619.990	839.534
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.113.736	2.032.325
Sau năm năm	-	9.106.531
	1.733.726	11.978.390

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê văn phòng của Tổng công ty với thời gian thuê từ 1 năm đến 8 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	USD	USD
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	44.109.235	26.263.788
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	18.281.119	3.853.168
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	44.631.873	59.157.860
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	94.438	2.827.778
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	2.967.432	2.224.547
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	8.431.671	8.319.563
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	18.096	-
Vay từ PVFC		
Lãi vay đã trả	12.016	55.398
Hoàn trả nợ gốc trong năm	1.394.925	1.394.925

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	USD	USD
Lương	128.295	184.465
Tiền thưởng	96.171	198.818
Các khoản phúc lợi khác	6.802	5.761
	231.268	389.044

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.161.596	3.818.828
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	95.601.551	99.135.440
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	10.390.202	46.505.271
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	15.237	5.648.007

12500
DẦU KHÍ
CÔNG
HỖN HỢP
DẦU KHÍ
VIỆT NAM
- TP. HCM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.354.454	2.967.068
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	4.003.030	6.815.507
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	20.965.014	98.827
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>-</u>	<u>-</u>
Các khoản vay phải trả		
PVFC	<u>-</u>	<u>1.394.925</u>
Lãi vay phải trả		
PVFC	<u>-</u>	<u>4.427</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	<u>-</u>	<u>12.983</u>

35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 8 năm 2013.



Phạm Tiên Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

